

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: **05** /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 01 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định về chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã thuần vùng cao và các thôn dân tộc thiểu số xen ghép trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 54/HĐND-KTXH ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chính sách đầu tư ứng trước, trợ cước vận chuyển giống, vật tư để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã thuần vùng cao và các thôn dân tộc thiểu số xen ghép trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 578/TTr-BDT-TC-NN ngày 24 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã thuần vùng cao và các thôn dân tộc thiểu số xen ghép trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Quy định chính sách đầu tư ứng trước, trợ cước vận chuyển giống, vật tư để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã thuần vùng cao và các thôn dân tộc thiểu số xen ghép trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Trung tâm Dịch vụ miền núi căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TH, KTN (Thường 32b).



QUY ĐỊNH

Chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã thuần vùng cao và các thôn dân tộc thiểu số xen ghép trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65 /2016/QĐ-UBND ngày 31 /02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và địa bàn áp dụng

Đối tượng được hưởng chính sách này là hộ đồng bào các dân tộc thiểu số đang sinh sống và có đất sản xuất nông nghiệp tại 11 xã thuần vùng cao và 20 thôn dân tộc thiểu số xen ghép thuộc xã miền núi, vùng cao trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Điều kiện áp dụng

Điều kiện được hưởng chính sách này là hộ sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại 11 xã thuần vùng cao và 20 thôn dân tộc thiểu số xen ghép thuộc xã miền núi, vùng cao; có đất sản xuất, có lao động, có khó khăn về vốn, có nhu cầu đầu tư ứng trước, được Ủy ban nhân dân xã xét duyệt và đề nghị.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ ỨNG TRƯỚC

Điều 3. Mặt hàng và định mức đầu tư ứng trước

1. Mặt hàng thực hiện đầu tư ứng trước gồm: Giống bắp lai, giống lúa nước, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón các loại.

2. Định mức đầu tư ứng trước:

a) Bắp lai:

- Diện tích: Tính theo diện tích gieo trồng thực tế của từng hộ và tối đa không quá 03 ha/hộ/vụ.

- Nội dung đầu tư bao gồm:

+ Chi phí làm đất: Tính theo giá thị trường;

+ Giống bắp lai không quá: 15 kg/ha;

+ Phân bón các loại không quá: 550 kg/ha;

+ Thuốc bảo vệ thực vật: 08 kg (hoặc 08 lít)/ha;

b) Lúa nước:

- Diện tích: Tính theo diện tích gieo trồng thực tế của từng hộ và tối đa không quá 02 ha/hộ/vụ.

- Nội dung đầu tư bao gồm:

+ Chi phí làm đất: Tính theo giá thị trường;

+ Giống lúa không quá: 160 kg/ha;

+ Phân bón các loại không quá: 550 kg/ha;

+ Thuốc bảo vệ thực vật: 04 kg (hoặc 04 lít)/ha;

Điều 4. Giá cả và phương thức đầu tư ứng trước

1. Giá cả: Giá vật tư, hàng hoá để thực hiện đầu tư ứng trước bao gồm giá mua và các khoản chi phí hợp lý theo quy định và giá từng mặt hàng phải bằng hoặc thấp hơn giá cùng thời điểm tại thành phố Phan Thiết. Trong quá trình thực hiện có phát sinh chênh lệch giữa giá mua và giá cung cấp cho hộ sản xuất, đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách là Trung tâm Dịch vụ miền núi hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2. Phương thức đầu tư ứng trước được thực hiện theo tiến độ sản xuất từng vụ bằng hiện vật ứng trước như: giống bắp, giống lúa, phân bón các loại, thuốc bảo vệ thực vật và chi phí làm đất. Hình thức đầu tư ứng trước thông qua hợp đồng đầu tư ứng trước và tiêu thụ nông sản hàng hoá giữa chủ hộ sản xuất ra với đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách là Trung tâm Dịch vụ miền núi, có xác nhận và đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phương thức thu hồi vốn đầu tư ứng trước được thực hiện thông qua việc thu mua sản phẩm nông sản hàng hóa của chủ hộ sản xuất theo hợp đồng đã ký với đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách, hoặc chủ hộ sản xuất thanh toán chi phí đầu tư ứng trước bằng các nguồn thu nhập khác.

Điều 5. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi

1. Đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước là Trung tâm Dịch vụ miền núi có trách nhiệm:

a) Cung ứng đầy đủ, kịp thời giống, vật tư, hàng hoá đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian từng thời vụ theo đúng hợp đồng với hộ đồng bào. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các địa phương tổ chức tập huấn hướng dẫn đồng bào sản xuất theo quy trình kỹ thuật. Đồng thời huy động phương tiện khâu làm đất, thu hoạch kịp thời, thu mua sản phẩm do đồng bào sản xuất ra theo hợp đồng.

b) Có trách nhiệm niêm yết công khai tiêu chuẩn, chất lượng, giá bán giống bắp lai, giống lúa nước, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón các loại tại các điểm bán.

c) Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu tổ chức, cá nhân và đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước vi phạm một, trong những nội dung: không mua hết nông sản hàng hoá theo hợp đồng; mua không đúng thời gian, không đúng địa điểm như đã cam kết trong hợp đồng; gian lận thương mại trong việc quy định tiêu chuẩn chất lượng, số lượng giống bắp lai, giống lúa nước, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón các loại; lợi dụng tính độc quyền của hợp đồng để bán cao hơn giá đã ký kết trong hợp đồng hoặc có hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất và mức độ mà có thể bị: truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính; phạt, bồi thường hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

d) Cuối mỗi kỳ sản xuất rà soát, đối chiếu công nợ với từng hộ đã đầu tư ứng trước để có biện pháp thu hồi vốn, không để nợ dây dưa kéo dài dẫn đến mất vốn.

đ) Chỉ đầu tư ứng trước ở vụ kế tiếp, sau khi hộ ký hợp đồng đã trả xong nợ đầu tư ở vụ trước. Trong trường hợp khách quan mất mùa do thiên tai, dịch bệnh được Ủy ban nhân dân xã xác nhận sẽ được khoan nợ (không tính lãi) và phải thanh toán trong vụ sản xuất kế tiếp. Trường hợp các hộ còn nợ các năm trước nhưng có cam kết, có xác nhận và đề nghị của Ủy ban nhân dân xã thì đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước có trách nhiệm tổng hợp gửi Ban Dân tộc xem xét, thẩm định, có ý kiến về việc tiếp tục cho hộ nói trên nhận đầu tư ứng trước vụ kế tiếp để có thu nhập trả được nợ đã nhận đầu tư ứng trước.

2. Đối với hộ sản xuất được đầu tư ứng trước:

a) Có trách nhiệm sử dụng các loại giống, vật tư được ứng trước phục vụ cho sản xuất theo hợp đồng đã ký với đơn vị đầu tư ứng trước; đồng thời, phải chủ

động trong tổ chức sản xuất và thu hoạch sản phẩm theo sự hướng dẫn kỹ thuật của ngành chuyên môn và đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách.

b) Có trách nhiệm bán nông sản hàng hóa cho đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước; thanh toán đủ tiền đầu tư ứng trước cho đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước từ nguồn thu bán nông sản hàng hóa và bằng nguồn thu nhập khác theo hợp đồng đã ký. Hộ sản xuất chỉ được bán nông sản hàng hoá sản xuất theo hợp đồng cho các đơn vị, cá nhân khác khi đơn vị được giao thực hiện đầu tư ứng trước từ chối không mua hoặc mua không hết nông sản hàng hoá của mình.

c) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu hộ sản xuất ứng tiền làm đất, nhận vật tư, hàng hóa ứng trước của đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước mà cố ý không bán đủ nông sản hàng hoá hoặc bán nông sản hàng hoá cho doanh nghiệp khác không ký hợp đồng đầu tư sản xuất; bán thiếu số lượng, không đúng thời gian, không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng hàng hoá quy định trong hợp đồng; không thanh toán đúng thời hạn hoặc có hành vi vi phạm khác thì phải chịu các hình thức xử lý sau đây:

- Phải thanh toán lại cho đơn vị tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước các khoản nợ: vật tư, tiền ứng (bao gồm cả lãi suất vốn vay theo mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại trong thời hạn nhận đầu tư ứng trước).

- Phải bồi thường thiệt hại đã gây ra theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

- Không được đầu tư ứng trước trong vụ sản xuất kế tiếp.

d) Hộ sản xuất chỉ được nhận đầu tư ứng trước ở vụ kế tiếp, sau khi đã trả xong nợ ở vụ trước và các trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp khách quan mất mùa do thiên tai, dịch bệnh được các ngành chức năng xác nhận sẽ được khoan nợ (không tính lãi) và phải thanh toán trong vụ sản xuất kế tiếp.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã có hộ nhận đầu tư ứng trước kiểm tra chặt chẽ từng hộ đủ điều kiện được đầu tư ứng trước theo quy định.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã có hộ nhận đầu tư ứng trước và các phòng ban liên quan phối hợp với đơn vị được giao tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước tổ chức tập huấn, hướng dẫn đồng bào sản xuất theo quy trình kỹ thuật.

c) Chỉ đạo các phòng liên quan phối hợp với đơn vị được giao tổ chức thực hiện đầu tư ứng trước giải quyết các tranh chấp về hợp đồng và thu hồi vốn cho đơn vị được giao thực hiện đầu tư ứng trước.

4. Đối với Ủy ban nhân dân xã:

a) Có trách nhiệm tổ chức xét duyệt và đề nghị những hộ trong xã, thôn đủ điều kiện được đầu tư ứng trước đúng địa bàn và đúng đối tượng, số lượng theo quy định.

b) Chỉ đạo sản xuất và phối hợp cùng đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách thu hồi vốn đầu tư ứng trước.

Chương III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHÍNH SÁCH TRỢ CƯỚC VẬN CHUYỂN

Điều 6. Điều kiện, mặt hàng, định mức, cự ly được trợ cước vận chuyển

1. Đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách là Trung tâm dịch vụ miền núi được trợ cước vận chuyển đối với các mặt hàng thực hiện đầu tư ứng trước.

2. Mặt hàng trợ cước vận chuyển, định mức các mặt hàng đầu tư ứng trước được trợ cước vận chuyển theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

3. Cự ly trợ cước vận chuyển: Được tính theo cự ly vận chuyển thực tế nhưng tối đa trong cự ly từ thành phố Phan Thiết đến trung tâm xã.

Chương IV

THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 7. Thanh toán kinh phí

1. Các khoản thanh toán chi phí thực hiện đầu tư ứng trước phải theo đúng định mức và các quy định tại Quy định này.

2. Các khoản chi phí hợp lý trong quá trình thực hiện chính sách được ngân sách hỗ trợ bao gồm:

a) Hỗ trợ chi phí trợ cước vận chuyển để thực hiện chính sách đầu tư ứng trước bao gồm: Phí cầu đường, hao hụt, cấp phát, bốc xếp, khấu hao tài sản và các chi phí khác có liên quan (nếu có) được Ngân sách hỗ trợ thanh toán theo quy định (không bao gồm chi phí quản lý vì đã được ngân sách hỗ trợ ở phần chi phí tiêu thụ sản phẩm).

b) Hỗ trợ chi phí tiêu thụ sản phẩm: Chi phí thu mua ở các cửa hàng, đại lý; chi phí bao bì; chi phí bốc vác và chi phí quản lý (theo định biên của cấp có thẩm quyền giao hàng năm).

3. Kinh phí thực hiện việc trợ cước vận chuyển các mặt hàng để thực hiện chính sách đầu tư ứng trước phải đảm bảo đúng nguyên tắc:

a) Lượng giống bắp, giống lúa, phân bón các loại được thanh toán cước vận chuyển là lượng hàng hoá đã vận chuyển bán đúng địa bàn, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, đúng định lượng, có chứng từ bán, có bảng kê lượng hàng hoá đã đầu tư ứng trước (ghi rõ mặt hàng, số lượng) có chữ ký hoặc điểm chỉ của từng hộ dân và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

b) Mức thanh toán tiền cước vận chuyển không được vượt quá đơn giá cước được duyệt và kế hoạch vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.

4. Kinh phí hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm chỉ được tính trên số lượng bắp, lúa thương phẩm thu mua và tiêu thụ đúng đối tượng, đúng địa bàn được quy định tại Điều 1, Điều 2 Quy định này. Giá mua nông sản của hộ đồng bào tối thiểu phải bằng giá thị trường cùng thời điểm, tại địa bàn mua hàng.

Điều 8. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí

1. Việc lập, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển thực hiện theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Đơn vị được giao kinh phí thực hiện chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển có trách nhiệm quản lý và bảo toàn nguồn vốn đầu tư ứng trước được ngân sách nhà nước cấp. Đồng thời, thanh quyết toán kinh phí trợ cước vận chuyển theo đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Nguồn vốn thực hiện chính sách

Nguồn vốn để thực hiện chính sách đầu tư ứng trước, trợ cước vận chuyển từ nguồn vốn ngân sách cấp.

Đơn vị được giao thực hiện chính sách trợ cước vận chuyển không được rút tiền do ngân sách nhà nước cấp để gửi vào tài khoản ngân hàng. Đối với vốn ngân sách cấp để thực hiện chính sách đầu tư ứng trước, đơn vị được giao thực hiện chính sách được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các hoạt động thực hiện chính sách những kỳ kế tiếp theo quy định.

Trường hợp có phát sinh tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng khi đơn vị thực hiện chính sách mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thì đơn vị theo dõi hạch toán bổ sung khoản lãi này vào nguồn vốn ngân sách cấp để thực hiện chính sách theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện theo đúng Quy định này, tổng hợp đề xuất nhu cầu vốn hàng năm và phương thức thực hiện chính sách. Đồng thời theo dõi tổng hợp và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, các vướng mắc phát sinh cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

2. Sở Tài chính phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối các nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá trợ cước vận chuyển, chi phí quản lý thực hiện chính sách theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm giống vật nuôi, Trung tâm giống cây trồng, Chi cục Bảo vệ thực vật phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dịch vụ miền núi làm tốt công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được xác định tại quy định này.

4. Trung tâm Dịch vụ miền núi (thuộc Ban Dân tộc) là đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách này. Hàng năm, trên cơ sở kết quả thực hiện của các năm trước, Trung tâm Dịch vụ miền núi xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Ban Dân tộc để phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn của huyện phối hợp với Trung tâm Dịch vụ miền núi và Ủy ban nhân dân các xã có hộ đồng bào thực hiện chính sách đầu tư ứng trước: Tuyên truyền đến từng hộ về chính sách đầu tư ứng trước, trợ cước vận chuyển, thường xuyên kiểm tra giám sát trong việc thực hiện quy định này; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dịch vụ miền núi thu hồi đủ vốn đầu tư ứng trước để tiếp tục quay vòng vốn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các xã có đối tượng, địa bàn được thực hiện chính sách đầu tư ứng trước, trợ cước vận chuyển; đơn vị được giao tổ chức thực hiện chính sách có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này.

2. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, các địa phương phản ánh về Ban Dân tộc để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nguyễn Ngọc Hai